TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 13 /2026/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 22 - 01 -2026**
**"V/v Ly hôn giữa bà T và ông C"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐỒNG THÁP**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **ĐOÀN VĂN PHỒI**
2. Bà **ĐẶNG THỊ TIỀM**

*- Thư ký phiên tòa*: Ông **BÙI QUỐC HIỂN**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181 /2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Ngọc T,** sinh ngày 01/01/1978.
Nơi cư trú: ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Ông **Đoàn Nhựt C**, sinh ngày 20/8/1976.
Nơi cư trú: ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp
( Bà T, ông C xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày:*** Bà và ông C tiến đến hôn nhân do quen biết và gia đình cha mẹ 02 bên đồng ý, được Uỷ ban nhân dân dân xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang cũ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/1997. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Hiện nay bà và ông C không còn tình cảm với nhau, mỗi người tự lo cuộc

sống của mình, không còn quan tâm chăm sóc nhau, hạnh phúc gia đình không có nên bà yêu cầu được ly hôn ông C.

Con chung: Bà và ông C có 02 người con chung tên Đoàn Ngọc P Thảo, sinh ngày 01/12/1999 và Đoàn Trung H, sinh ngày 22/12/2004. Hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Bị đơn ông Đoàn Nhựt C tại tờ tự khai trình bày***: Ông và bà T được sự đồng ý của gia đình nên tiến đến hôn nhân năm 1997, có đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T. Con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung thống nhất với ý kiến của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông C. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[ 1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T và bị đơn ông Đoàn Nhựt C đều có đơn xin vắng mặt với lý do bận công việc gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông C tiến đến hôn nhân năm 1997 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc 01 thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả. Cả ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án cũng tiến hành thủ tục hòa giải cho cho ông bà nhưng ông bà đều từ chối hòa giải và có đơn xin vắng mặt. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với C là phù hợp với qui định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung nhưng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn với ông Đoàn Nhựt C.

2. Về con chung: Đã thành niên, không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008650 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Khu vực cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- **UBND xã H;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**